|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **/**2018/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

Hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là

kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (một phần hoặc toàn bộ) nhằm phục vụ việc thực hiện giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản này sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt.

**Điều 2.** **Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quyền).

3. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

**Chương II**

**XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN LÀ KẾT QUẢ CỦA**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 3. Thẩm quyền xác định giá và hình thức xác định giá**

1. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thẩm quyền xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định.

2. Hình thức xác định giá thực hiện theo một trong các hình thức sau:

a) Thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đề xuất giá;

b) Thuê tổ chức dịch vụ có năng lực và kinh nghiệm để xác định giá, tư vấn giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đề xuất giá;

c) Trường hợp không thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc tổ chức có năng lực và kinh nghiệm để xác định giá, tư vấn giá theo quy định tại điểm a và b Khoản 2 Điều này thì đơn vị chuyên môn về tài chính, giá cả thuộc cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tự thực hiện việc xác định giá trị tài sản và đề xuất giá.

**Điều 4. Các bước xác định giá**

Việc xác định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Xác định giá trị của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Xác định kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đặc điểm pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và các đặc điểm khác);

b) Xác định mục đích, đối tượng sử dụng đề xuất giá, thời điểm xác định giá trị, cơ sở giá trị, quy trình tiến hành công việc xác định giá;

c) Lựa chọn phương pháp xác định giá theo quy định tại Thông tư này;

d) Tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu liên quan (ví dụ: kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ, giá giao dịch trên thị trường, chi phí và thu nhập tạo ra từ việc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ...);

đ) Phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu;

e) Xác định giá trị kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo phương pháp được lựa chọn.

2. Lập Báo cáo đề xuất giá hoặc Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

**Điều 5. Căn cứ xác định giá trị của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Phạm vi giao quyền: giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng hoặc giao cả quyền sở hữu và quyền sử dụng

2. Đặc điểm kỹ thuật của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ví dụ công dụng, mục đích sử dụng, chức năng, dự kiến hiệu quả kỹ thuật.

3. Đặc điểm pháp lý của của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ví dụ: sự cần thiết và khả năng được đăng ký bảo hộ; tình trạng và phạm vi bảo hộ.

4. Đặc điểm kinh tế của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ví dụ:

a) Mức lợi nhuận dự kiến tạo ra từ việc sử dụng hoặc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có khả năng thay thế trên thị trường;

c) Tính mới và tính hữu ích của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ so với các kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác có cùng chức năng.

5. Giá giao dịch trên thị trường của một số tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương tự, có thể so sánh trong nước, trên thế giới và giá trị trong các giao dịch đã thực hiện đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần được xác định giá (nếu có).

6. Kinh phí đầu tư để tạo ra kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Chính sách, khả năng thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các chính sách ưu đãi khác được ghi nhận trong Luật khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 6. Kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để tạo ra kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kinh phí đầu tư để tạo ra kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 6 Điều 5 bao gồm các kinh phí đã được cơ quan có thẩm quyền quyết toán, gồm:

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy thực hiện hiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi phí sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi phí mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Chi phí khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của đơn vị;

d) Chi phí sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chi phí tổ chức hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi phí trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi phí điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi phí mua văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

9. Chi phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 7. Phương pháp xác định giá dựa trên kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Việc xác định giá dựa trên kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá trị của tài sản | == | Kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ | ++ | Lợi nhuận dự kiến (nếu có) | ++ | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) | ++ | Thuế giá trị gia tăng,thuế khác(nếu có) |

Trong đó:

a) Kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trong thời gian dài, cần điều chỉnh giá trị của kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ về thời điểm xác định giá.

b) Lợi nhuận dự kiến, Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành và các thông tin thu thập được của các tài sản là nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương tự đã được chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng trên thị trường tại thời điểm xác định giá.

**Điều 8. Các phương pháp xác định giá theo cách tiếp cận từ chi phí**

1. Các phương pháp xác định giá theo cách tiếp cận từ chi phí được thực hiện theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản vô hình do Bộ Tài chính ban hành và theo hướng dẫn cụ thể tại Điều này.

2. Chi phí tái tạo, chi phí thay thế của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định theo kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ này quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Xác định giá trị hao mòn của kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ gồm:

a) Hao mòn do lỗi thời chức năng, công nghệ: Trong trường hợp lỗi thời về chức năng, công nghệ có thể khắc phục được thì giá trị hao mòn do lỗi thời về chức năng, công nghệ được xác định trên cơ sở chi phí để khắc phục sự lỗi thời về chức năng, công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ví dụ: chi phí cải tiến sáng chế, chi phí thay đổi kiểu dáng công nghiệp. Trong trường hợp lỗi thời về chức năng, công nghệ không thể khắc phục được thì giá trị hao mòn do lỗi thời về chức năng, công nghệ được xác định trên cơ sở tổn thất về giá trị tài sản do lỗi thời về chức năng, công nghệ;

b) Hao mòn do lỗi thời về kinh tế: được xác định trên cơ sở mức giảm giá trị tài sản do chịu sự tác động trực tiếp của môi trường bên ngoài, tình hình thị trường so với thời điểm tạo ra tài sản, ví dụ: tỷ lệ lạm phát tăng làm giá trị thực tế của kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ giảm xuống; quy định của Chính phủ hạn chế sử dụng một sản phẩm tương tự với tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ làm giảm cung sản phẩm dẫn tới giảm giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; khả năng thanh toán của xã hội suy giảm làm giảm cầu đối với sản phẩm tương tự với tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ dẫn tới giảm giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

**Điều 9. Các phương pháp xác định giá theo cách tiếp cận từ thị trường**

1. Các phương pháp theo cách tiếp cận từ thị trường được thực hiện theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản vô hình do Bộ Tài chính ban hành và theo hướng dẫn cụ thể tại Điều này.

2. Giá thị trường của tài sản so sánh có thể là các mức giá sau đây:

a) Tiền chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được lưu giữ tại cơ quan quản lý nhà nước hoặc được công bố trên thị trường;

b) Giá chào bán, chào mua trên thị trường;

c) Giá niêm yết trên sàn giao dịch;

d) Giá chào thầu, đấu giá;

đ) Giá góp vốn liên doanh, liên kết, thế chấp;

e) Giá mua thực tế trên thị trường;

g) Giá tài sản so sánh trong các hình thức giao dịch khác trên thị trường.

3. Trường hợp thực hiện xác định giá theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì có thể sử dụng hai tài sản so sánh được giao dịch trên thị trường.

**Điều 10. Các phương pháp xác định giá theo cách tiếp cận từ thu nhập**

1. Các phương pháp theo cách tiếp cận từ thu nhập được thực hiện theo quy định tại Tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản vô hình do Bộ Tài chính ban hành và theo hướng dẫn cụ thể tại Điều này.

2. Phương pháp tiền sử dụng

a) Tiền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được xác định bằng số tiền sử dụng thực tế được ghi nhận trong hợp đồng chuyển giao quyền quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của tài sản so sánh;

b) Tiền sử dụng bao gồm: Tiền sử dụng trả trước, tiền sử dụng kỳ vụ (có thể xác định trên cơ sở suất tiền sử dụng theo doanh thu, lợi nhuận, đơn vị sản phẩm); thuế phát sinh từ hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối với bên nhận chuyển giao quyền sử dụng; chi phí quảng cáo, chào bán và các chi phí khác phát sinh đối với bên nhận chuyển giao quyền sử dụng.

3. Phương pháp lợi nhuận vượt trội

Lợi nhuận vượt trội được xác định trên cơ sở chênh lệch lợi nhuận giữa việc sử dụng và không sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ cần định giá.

4. Phương pháp thu nhập tăng thêm

Thu nhập tăng thêm được xác định trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kỳ vọng của doanh nghiệp và tổng lợi nhuận thu được do sử dụng các tài sản hữu hình, tài sản vô hình, tài sản tài chính khác không phải là tài sản cần định giá.

**Điều 11. Báo cáo đề xuất giá, Báo cáo kết quả thẩm định giá**

1. Đơn vị thực hiện việc đề xuất giá quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này có trách nhiệm lập Báo cáo đề xuất giá hoặc Báo cáo kết quả thẩm định giá để người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt giá trị của tài sản.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm cung cấp Báo cáo kết quả thẩm định giá theo quy định của Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

3. Báo cáo đề xuất giá phải phản ánh trung thực, khách quan quá trình và kết quả đề xuất giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu báo cáo đề xuất giá tại phụ lục đính kèm).

**Điều 12. Chi phí xác định giá trị tài sản; thanh toán chi phí xác định giá trị tài sản**

1. Chi phí xác định giá trị tài sản bao gồm chi phí thuê thẩm định giá; chi phí thuê tổ chức dịch vụ có năng lực và kinh nghiệm để xác định giá, tư vấn giá; chi văn phòng phẩm và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc xác định giá trị tài sản.

Mức chi cho các chi phí trên thực hiện theo các quy định tại Điều 33 Nghị định 70/2018/NĐ-CP.

2. Thanh toán chi phí xác định giá trị tài sản:

a) Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc chi trả chi phí xác định giá kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng nguồn ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ.

b) Sau khi được giao quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quyền có trách nhiệm hoàn trả chi phí xác định giá trị tài sản quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này cho cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

**Điều 14. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Quản lý giá – Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này trong việc xác định giá tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);  - Công báo;  - Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Wesbite Bộ Tài chính;  - Lưu VT; QLG (VT, QLTĐG). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**            **Trần Văn Hiếu** |

**Phụ lục**

**VỀ MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT GIÁ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày*

*của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  **XÂY DỰNG BÁO CÁO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *....., ngày ... tháng ... năm .....* |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT GIÁ**

Kính gửi: *.......................................................* [1](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fn1)

Theo đề nghị của .......................... [2](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fn2) tại văn bản số ....ngày......về việc yêu cầu xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

I. **TỔ CHỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT GIÁ**

1. Tên đơn vị và người đại diện theo pháp luật

……………………………………………………………………………

2. Địa chỉ:

……………………………………………………………………………

3. Số điện thoại: …………………… Fax: …….…………………………

4. Email: …………………………………………………………………

II. **MỤC ĐÍCH ĐỀ XUẤT GIÁ**

Đề xuất giá để làm căn cứ phục vụ mục đích xác định giá …………………………………[3](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fn3) khi ………………………………… [4](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fn4)

III. **ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐỀ XUẤT GIÁ**

1. Tên kết quả nghiên cứu:

……………………………………………………………………………

2. Tình trạng pháp lý:

……………………………………………………………………………

3. Tình trạng kỹ thuật:

……………………………………………………………………………

IV. **THỰC HIỆN ĐỀ XUẤT GIÁ**

1. Địa điểm xác định giá: …………………………………………………

2. Thời gian xác định giá: ………………………………………………

3. Thông tin về tài sản so sánh (nếu có):

……………………………………………………………………………

4. Thông tin về khảo sát thực địa (nếu có):

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

5. Phương pháp xác định giá:

- Phương pháp được chọn là:

………………………………………………………………………[5](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fn5)

- Các bước và nội dung tiến hành xác định giá trị kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được mô tả trong phụ lục tính toán kèm theo báo cáo này.

6. Kết quả xác định giá:

……………………………………………………………………………

7. Hạn chế và điều kiện của việc đề xuất giá:

……………………………………………………………………………

8. Kết luận về giá đề xuất:

……………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)* |

[1](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fs1) Ghi tên tổ chức, cá nhân là khách hàng của dịch vụ hỗ trợ xác định giá

[2](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fs2) Ghi tên tổ chức, cá nhân là khách hàng của dịch vụ hỗ trợ xác định giá

[3](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fs3) Nêu tên kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu cần xác định giá

[4](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fs4) Chọn lựa một trong các mục đích sau: giao quyền sở hữu; giao quyền sử dụng; giao quyền sở hữu và sử dụng

[5](http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/ctdtvb?id=14039&_afrLoop=16497405108171375" \l "fs5) Mô tả rõ việc sử dụng phương pháp nào để xác định giá trị của kết quả nghiên cứu và lý do chọn lựa phương pháp đó